

# Khía cạnh giới trong quan sát và diễn giải về hạn hán, xâm nhập mặn tại các cộng đồng sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Trà Vinh

Phan Thị Hoàn<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Các nghiên cứu về thiên tai, biến đổi khí hậu cho thấy nam giới và nữ giới chịu ảnh hưởng khác nhau và có khả năng ứng phó khác nhau dựa trên những hiểu biết, nguồn vốn mà họ có và vị trí xã hội được quy định bởi mỗi nền văn hóa. Kết quả nghiên cứu định tính tại các cộng đồng người Kinh và Khmer ở tỉnh Trà Vinh có sinh kế chủ đạo là sản xuất nông nghiệp cho thấy, nam giới và nữ giới có những hiểu biết vừa tương đồng vừa khác biệt về vấn đề hạn hán, xâm nhập mặn cực đoan đã và đang diễn ra trên địa bàn. Nguyên nhân của sự khác biệt chủ yếu là do khuôn mẫu giới trong phân công lao động gia đình.

**Từ khóa:** Giới, Hạn hán, Xâm nhập mặn, Nông nghiệp, Tỉnh Trà Vinh

**Abstract:** Studies on natural disasters and climate change show that men and women are affected in different ways, and they also have different response capabilities based on their knowledge, resources and social position by each culture. Qualitative research results in Kinh and Khmer communities in Tra Vinh province, whose main livelihood is agricultural production, reveal that there are both similar and different understandings between men and women about extreme drought and saltwater intrusion in the area. The reason for the difference is mainly due to gender stereotypes in the division of family labor.

**Keywords:** Gender, Drought, Saltwater Intrusion, Agriculture, Tra Vinh Province

Ngày nhận bài: 16/01/2024; Ngày duyệt đăng: 15/4/2024

## 1. Mở đầu

Tỉnh Trà Vinh nằm giữa hai con sông lớn là sông Cổ Chiên và sông Hậu, thuộc vùng hạ lưu sông Mê Kông. Nơi đây có khí hậu gió mùa cận xích đạo với hai mùa rõ rệt, mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 11, mùa khô bắt đầu từ tháng 12 và kết thúc vào tháng 4 năm sau. Từ năm

2015 đến nay, tỉnh Trà Vinh nói riêng, khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung đã trải qua hai đợt mặn cực đoan vào mùa khô năm 2015-2016 và năm 2019-2020: mùa khô đến sớm và kéo dài hơn so với chu kỳ mọi năm (UNDP Viet Nam, 2016, 2020). Nguyên nhân của tình trạng trên được cho là do biến đổi khí hậu (BĐKH) khiến lượng mưa hàng năm ít, cùng với việc điều tiết nước ở các đập thủy điện khu vực thượng nguồn khiến vùng hạ lưu càng trở nên thiếu nước, gây ảnh hưởng lớn tới

<sup>(\*)</sup> TS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;  
Email: phanhoan.na@gmail.com

đời sống cư dân và đặc biệt là gây thiệt hại nghiêm trọng tới sản xuất nông nghiệp.

Mùa khô năm 2015-2016, tại Trà Vinh, hạn hán, xâm nhập mặn gây ảnh hưởng tới 29.833,09 ha lúa (42.240 hộ); rau màu và mía là 1.344,96 ha (2.740 hộ); cây ăn trái là 403,47 ha (803 hộ). Ngoài ra, việc thiếu nước tưới còn làm giảm năng suất từ 10-30%, các hộ nuôi trồng thủy sản (cá lóc, tôm sú, tôm thẻ, cua biển...) cũng bị ảnh hưởng do độ mặn tăng cao đột ngột. Ước tính tổng thiệt hại lên đến 1.130,54 tỷ đồng. Mùa khô năm 2019-2020, hạn hán, xâm nhập mặn gây thiệt hại cho 24.129,019 ha lúa (chủ yếu lúa vụ đông xuân), 77,03 ha hoa màu và 271,341 ha cây ăn trái, ước tính thiệt hại khoảng 1.000 tỷ đồng, trong đó cây lúa là 919 tỷ đồng (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh, 2016, 2020).

BĐKH với biểu hiện là sự gia tăng ngày càng mạnh mẽ và không theo chu kỳ của các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, bão, lụt, mực nước biển dâng... đã và đang diễn ra ở nhiều nơi trên trái đất (IPCC, 2014, 2022). Kết quả nghiên cứu và báo cáo đánh giá của nhiều tổ chức phát triển cho thấy, thách thức, tác động của BĐKH không phải là vấn đề trung tính (gender-neutral), vấn đề giới và BĐKH liên quan chặt chẽ với nhau trên nhiều phương diện (WomenWatch, 2008; Goh, 2012; IUCN, 2015; UNDP, 2016; Masika, 2017; MacGregor, 2017; Segnestam, 2017;...). Nam giới cũng như nữ giới đều nắm giữ các tri thức trong lĩnh vực của mình, đóng vai trò tích cực trong thích ứng và giảm thiểu rủi ro do BĐKH (Dankelman, 2010). Bởi vậy, việc nâng cao hiểu biết và khả năng của nam giới và nữ giới là cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện các chính sách, chương trình nhằm giải quyết vấn đề bất bình đẳng của BĐKH đối với cả hai giới

(UNDP, 2016).

Bài viết xem xét liệu có sự khác biệt giới trong hiểu biết và diễn giải về hạn hán, xâm nhập mặn hay không, từ đó đưa ra những gợi ý nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của dân cư trong bối cảnh các hiện tượng thời tiết cực đoan diễn ra thường xuyên hơn.

## 2. Tiếp cận, phương pháp và địa bàn nghiên cứu

*Tiếp cận nhân học sinh thái và giới:* Nhân học sinh thái bàn về mối quan hệ qua lại giữa con người và môi trường tự nhiên, trong đó tri thức sinh thái là một trong những chủ đề trọng tâm. Có nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm “tri thức sinh thái”, trong đó khung phân tích của Berkes (2008) mang lại cái nhìn bao quát. Theo đó, tri thức sinh thái bao gồm: thứ nhất là hiểu biết về cảnh quan, thời tiết, về các loài động thực vật...; thứ hai là hệ thống khai thác, kỹ thuật sử dụng tài nguyên dựa trên những hiểu biết đó; thứ ba là thiết chế xã hội vận hành hệ thống đó; thứ tư là thể giới quan - hệ thống niềm tin đóng vai trò quyết định trong việc nhìn nhận môi trường và gán cho nó những ý nghĩa nhất định.

Khác với *giới tính* chỉ sự khác biệt giữa nam và nữ về mặt sinh học, *giới* là một thiết chế xã hội, được định nghĩa là các đặc điểm văn hóa, xã hội và tâm lý gắn với nam và nữ trong những bối cảnh cụ thể (Lobber, 2000; Lindsey, 2016). Hay nói cách khác, giới là những khác biệt về mặt xã hội giữa nữ và nam, được hình thành do được dạy và học, có thể thay đổi theo thời gian và có sự khác nhau đáng kể cả trong và giữa các nền văn hóa. Giới định hình các vai trò, quyền hạn, mối quan hệ và trách nhiệm được gán cho phụ nữ và nam giới trong một xã hội và bối cảnh văn hóa cụ thể (ADB, 2015).

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi tập trung nghiên cứu hiểu biết của nam

giới và nữ giới tại cộng đồng nông dân ở tỉnh Trà Vinh về các hiện tượng hạn hán, xâm nhập mặn đã và đang diễn ra trên địa bàn. Những hiểu biết ấy được cụ thể hóa thông qua quan sát và diễn giải về nguyên nhân, diễn biến, tác động và việc tiếp cận các nguồn thông tin của họ về hạn hán và xâm nhập mặn.

*Phương pháp và địa bàn nghiên cứu:* Nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp định tính, với hai công cụ chính là phỏng vấn sâu (PVS) 20 cặp vợ chồng người Kinh và người Khmer và thảo luận nhóm (TLN) gồm 2 nhóm nam và 2 nhóm nữ. Những người này đều thuộc hộ gia đình có sản xuất nông nghiệp là sinh kế chính. Trọng tâm PVS là hiểu biết của họ về hạn hán, xâm nhập mặn tại địa phương trong 10 năm trở lại đây. Nghiên cứu được thực hiện vào tháng 6-7/2023 tại ấp Nguyệt Lăng A, ấp Nguyệt Lăng B, xã Bình Phú, huyện Càng Long và ấp Vàm Ray, ấp Rạch Cá thuộc xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Đây là những địa bàn có nhiều nông dân người Kinh và người Khmer sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng bởi hạn hán, xâm nhập mặn.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Khía cạnh giới trong quan sát và lý giải nguyên nhân về hạn hán, xâm nhập mặn

Hạn hán, xâm nhập mặn cực đoan là hai hiện tượng diễn ra tại địa phương đều được cả nam và nữ ghi nhận. Khi được hỏi về nguyên nhân gây ra hạn hán và xâm nhập mặn tại địa phương, những người phụ nữ tham gia khảo sát thường lý giải nguyên nhân trực tiếp của hạn hán, xâm nhập mặn là: *“Theo tôi do nắng quá làm không có mưa nên mới xảy ra tình trạng xâm nhập mặn”* (PVS nữ, sinh năm 1963, dân tộc Khmer, xã Bình Phú). *“Thời gian đó mưa ít nên hạn nhiều, xâm nhập mặn*

*cao. Không rõ nguyên nhân xâm nhập mặn, chỉ suy đoán là do nước biển lên”* (PVS nữ, sinh năm 1984, dân tộc Khmer, xã Bình Phú). *“Giai đoạn đó nắng nhiều gây khô sông, do gió từ biển thổi vào nên nước mặn xâm nhập”* (PVS nữ, sinh năm 1960, dân tộc Kinh, xã Bình Phú). Trong khi đó, nam giới lý giải chi tiết, đưa ra luận giải về nguyên nhân sâu xa của tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn, trên cơ sở quan sát, trải nghiệm trong quá trình sinh sống tại địa phương: *“Cách đây khoảng 5 năm địa phương bị nắng hạn không có nước, từ Nam ra Bắc đều bị nắng hạn, là do ảnh hưởng của BĐKH. Bình thường theo chu kỳ khoảng 5-7 năm thì mùa khô mới trở lại khắc nghiệt, bây giờ xảy ra bất thường, không còn theo quy luật của thiên nhiên nữa, như mưa thì mưa dữ, nắng thì nắng cho dữ chứ không hài hòa”* (PVS nam, sinh năm 1969, dân tộc Kinh, xã Bình Phú). *“Vào năm 2014-2015 bị hạn nặng, không có mưa mà lại nước mặn. Hồi xưa mưa thì mưa, nắng thì nắng, giờ thì mưa nắng khó lường, do BĐKH. Mưa giảm, khô hạn tăng là vì các cây cỏ thụ trong áp mát nhiều rồi, cưa hết rồi [cây dầu, cây dổi, cây còng...], hai nữa cũng có thể do công ty xí nghiệp đưa nhiều chất thải quá, nên ít mưa hay sao”* (PVS nam, sinh năm 1959, dân tộc Khmer, xã Bình Phú). Nam giới dân tộc Kinh và dân tộc Khmer đều có những hiểu biết cụ thể, chi tiết về sự thay đổi và diễn biến của thời tiết, tự nhiên.

Sự khác nhau trong hiểu biết này bắt nguồn từ phân công lao động theo giới trong gia đình cũng như khuôn mẫu phân công lao động truyền thống trong cộng đồng. Kết quả PVS cho thấy, các gia đình đều có mô hình tổ chức lao động tương đối giống nhau: người chồng/người con trai trong gia đình (nam giới) thường làm và

tự nhận làm những công việc nặng nhọc hơn trong sản xuất nông nghiệp như đào đất be bờ để lên liếp, gieo sạ, phun thuốc, bón phân... Nam giới dành nhiều thời gian cho hoạt động nông nghiệp, như thường xuyên ra ruộng kiểm tra lúa về diễn biến sâu bệnh, nước... và đưa ra phương án xử lý, nhất là trong mùa khô, khi các loại bệnh trên cây lúa phát triển rất nhanh, như đạo ôn, sâu cuốn lá..., ốc bươu vàng cũng gia tăng. Bên cạnh đó, tại những thời điểm cây lúa cần nước, họ thường phải túc trực máy bơm để bơm nước từ kênh vào ruộng. Chính vì thế, vào mùa khô, họ phải dành nhiều thời gian để trông coi đồng ruộng. Trong khi đó người vợ/phụ nữ thường đảm trách những công việc ở nhà như: nội trợ, chăm sóc con cái, chăn nuôi, nấu rượu..., đồng thời, cũng quản lý tài chính và chi tiêu trong gia đình. Nam giới là lao động chính trong sản xuất nông nghiệp và phụ trách công việc cần sức vóc thể chất, phụ nữ tham gia một số công đoạn hỗ trợ cho nam giới, những công việc cần sự tỉ mỉ. Nhiều phụ nữ còn làm công việc buôn bán nhỏ tại nhà hoặc chợ.

Bên cạnh đó, nguyên nhân của xâm nhập mặn cũng được lý giải là do hệ thống cơ sở hạ tầng thủy lợi: công/đập ngăn mặn và hệ thống kênh đào. Ở khu vực xã Bình Phú, huyện Càng Long, kể từ khi có hệ thống công và đập ngăn mặn Láng Thè, hiện tượng xâm nhập mặn nội đồng ít xảy ra hơn do khi độ mặn ngoài sông cao hơn 4‰ thì cán bộ trông coi sẽ đóng cửa cống: *“Những năm về trước vẫn có hạn mặn là do chưa có cống, nhưng 10 năm trở lại đây thì có mặn nhưng ở ngoài cống thử độ mặn, nếu mặn quá thì sẽ đóng cống không cho nước mặn xâm nhập vào, khi nào hết mặn thì mới cho nước vào”* (PVS nữ, sinh năm 1962, dân tộc Kinh, xã Bình Phú). *“Những năm gần đây khô hạn và mặn không thường xuyên*

*xảy ra, nguồn nước ngọt ổn định hơn nhờ có cống ngăn mặn”* (PVS nữ, sinh năm 1984, dân tộc Khmer, xã Bình Phú).

Trong khi tại xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, nơi không có hệ thống đập bao ngăn mặn khép kín và cống đập ngăn mặn, việc xâm nhập mặn bị ảnh hưởng lớn bởi chế độ thủy triều cũng như sự thay đổi lượng mưa. Đồng thời, do hệ thống kênh đào được khơi thông để nối liền hệ thống giao thông thủy cũng khiến cho độ mặn tăng cao: *“Hồi chưa thông kênh thì nước chỉ lợ lợ, không đến nỗi mặn quá, thử độ mặn thấy khoảng chừng 4-5‰, tới khoảng 6‰ là ngọt lại, giờ mặn tới hơn 10‰, có lúc tới 15-20‰”* (PVS nam, sinh năm 1968, dân tộc Kinh, xã Hàm Tân).

Như vậy, mỗi giới gắn với những công việc, vai trò trong lao động sản xuất khác nhau, nên hiểu biết của họ liên quan tới hạn hán, xâm nhập mặn cũng có sự khác nhau nhất định. Bên cạnh đó kết quả khảo sát cũng cho thấy, có sự khác nhau trong việc diễn giải nguyên nhân và diễn biến của hạn hán, xâm nhập mặn của các cộng đồng dân cư ở các vị trí địa lý và có cơ sở hạ tầng thủy lợi khác nhau.

### **3.2. Khía cạnh giới trong việc tiếp cận thông tin về hạn hán, xâm nhập mặn**

Kênh thông tin chủ yếu về hạn hán, xâm nhập mặn mà cả nam giới và nữ giới ở địa bàn nghiên cứu tiếp cận là từ chính quyền địa phương, với hình thức chính là “phát loa”<sup>1</sup>. Đây là hình thức cán bộ thông tin xã sử dụng xe máy có gắn loa đi quanh các ấp để phát nội dung cảnh báo/thông báo về hạn hán, xâm nhập mặn, lịch thời vụ... đến người dân. Qua đó, người dân có thể nắm bắt tin tức để chuẩn bị những việc

<sup>1</sup> “Phát loa” là hình thức thông tin mang tính “thụ công” được thực hiện lặp đi lặp lại và cung cấp những thông tin trực tiếp, gắn liền với hoạt động sản xuất nông nghiệp tại địa phương

cần thiết. Một nam giới cho biết: *“Nội dung thông báo thường là tin tức về thiên tai, như hạn hán, mưa nhiều, xâm nhập mặn, bão... để người dân đối phó, giúp người dân chủ động hơn. Chẳng hạn nếu 10 ngày nữa hạn thì sẽ tranh thủ làm trước được gì sẽ làm, hoặc nếu 10 ngày nữa mưa nhiều thì sẽ tranh thủ xịt thuốc, làm mọi việc cho xong sớm để mai một có mưa thì khỏi làm, nên đã chủ động nhờ vào các thông tin đó, chứ nếu không mình cũng khó mà biết được”* (PVS nam, sinh năm 1969, dân tộc Kinh, xã Bình Phú).

Theo những người tham gia khảo sát: *“Nghe thông tin từ loa phát thanh địa phương là nhiều nhất và chính xác nhất, không nghe từ ai khác. Lịch thời vụ thì mùa nào cũng có thông báo”* (TLN nữ, xã Bình Phú); *Thông tin về hạn hán, xâm nhập mặn chủ yếu do áp thông báo. Còn ít xem tivi hay tham dự họp ở địa phương, do mình ít đi họp, vợ đi họp nhiều hơn vì vợ có thời gian”* (PVS nam, sinh năm 1974, dân tộc Khmer, xã Hàm Tân).

Trong khi đó, các buổi họp tuyên truyền về BĐKH, gìn giữ vệ sinh môi trường... được cán bộ thực hiện tại trụ sở Ủy ban nhân dân (UBND) xã thì người tham dự chủ yếu là nữ giới. Theo giải thích của những người tham gia khảo sát, nam giới thường xuyên làm công việc đồng ruộng hoặc có thể đi làm phụ hồ vào thời gian nông nhàn, trong khi đó phụ nữ chủ yếu ở nhà. Một cán bộ là trưởng ấp Nguyễn Lãng B cũng cho biết, trong các cuộc họp dân ở ấp hay xã, có tới 80% người tham gia là nữ giới.

Kết quả PVS cho thấy, cũng có nam giới thường xuyên tiếp cận tin tức từ đài truyền hình, truyền thanh và có hiểu biết về các vấn đề về môi trường và BĐKH. Nhưng phần lớn họ đều trả lời là ít khi tiếp cận tin tức từ kênh này do ban ngày họ chủ

yếu làm việc ở đồng ruộng, buổi tối chỉ xem tin tức.

Nhìn chung, thông tin dự báo, cảnh báo và thông báo của chính quyền địa phương là kênh cơ bản mà cả nam giới và nữ giới thường tiếp cận, đặc biệt là để nam giới đưa ra quyết định trong công việc liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp. Ngoài nguyên nhân họ có ít thời gian để tiếp cận các kênh thông tin khác, thì ở khu vực xã Bình Phú, huyện Càng Long, một nguyên nhân chủ yếu là do lịch thời vụ và các hoạt động sản xuất nông nghiệp đều theo kế hoạch điều tiết nước của Chi cục Khuyến nông kết hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của huyện.

Đối với nam giới ở xã Hàm Tân, huyện Trà Cú, ngoài thông tin từ “phát loa”, việc theo dõi diễn biến nước mặn chủ yếu là qua quan sát hằng ngày, bằng cách thử và dùng dụng cụ đo độ mặn thủ công (dùng ống đo độ mặn hoặc ném thử) và bằng quan sát: *“Ít nghe đài dự báo, do không có thời gian, đi làm cả ngày, về là cũng đuối rồi, mệt mỏi rồi ngủ luôn. Độ mặn thì đo bằng ống độ, có giá khoảng 80 ngàn, lúc đầu ném thử bằng miệng, sau thấy mặn quá thì mới đo xem bao nhiêu độ”* (PVS nam, sinh năm 1968, dân tộc Kinh, xã Hàm Tân). *“Nước ngày càng mặn, hỏi thì mấy ông nói là do biến đổi khí hậu, mưa gió bất thường, mình cũng không rành, ít khi tìm hiểu thông tin trên đài báo hay tivi, mà chỉ tự quan sát thực tế”* (PVS nam, sinh năm 1969, dân tộc Kinh, xã Hàm Tân).

Do đặc thù công việc thường xuyên ở đồng ruộng, nên đối với nam giới, thông tin về hạn hán, xâm nhập mặn và diễn biến về sự thay đổi của thời tiết thường được ghi nhận qua trải nghiệm thực tế, được tích lũy qua nhiều năm và trở thành kinh nghiệm của họ. Tuy nhiên, diễn biến bất thường của thời tiết khiến những dự đoán

trở nên không còn hoàn toàn chính xác. Chính vì vậy, thông tin từ chính quyền địa phương đóng vai trò rất quan trọng đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp của họ.

### **3.3. Khía cạnh giới trong ghi nhận về thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn gây ra**

Tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn kéo dài dẫn tới việc thiếu nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt, đặc biệt gây thiệt hại nặng nề trong sản xuất nông nghiệp. Đây là tác động trực tiếp do hạn hán, xâm nhập mặn gây ra mà những người trả lời phỏng vấn đều nhận thấy. Ở phương diện này, không nhận thấy có sự khác biệt giới. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng đối với các hộ gia đình, các cộng đồng cư dân là khác nhau, tùy thuộc vào địa bàn, vị trí cũng như loại hình sản xuất nông nghiệp mà hộ gia đình thực hiện.

Cụ thể, về mặt địa bàn, ở những nơi có hệ thống đê ngăn mặn (như ở xã Bình Phú), hoặc những ruộng nằm gần các con kênh lớn dự trữ nước thì mức độ ảnh hưởng và thiệt hại thường ít/thấp hơn so với những nơi nằm ngoài đê ngăn mặn hay những ruộng nằm cuối nguồn nước.

Về những ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn tới các gia đình, kết quả khảo sát cho thấy các gia đình bị thiệt hại ở các mức độ khác nhau: “*Lúc đó nắng quá nên ruộng khô, nước sinh hoạt còn không có nên đâu có nước cho nông nghiệp. Lúa bị ảnh hưởng làm thất mùa, thất thoát từ 50% trở lên, có người thì bị mất trắng. Ví dụ như 1 công lúa bình thường được 10 bao lúa thì mùa đó chỉ thu hoạch khoảng 5 bao lúa*” (PVS nam, sinh năm 1969, dân tộc Kinh, xã Bình Phú). “*Năm 2020 là năm bị thiệt hại nặng nhất, vụ hè thu lúa bị lép và hỏng hết 70%, chỉ thu được mấy bao thóc để ăn*” (PVS nữ, sinh năm 1959, dân tộc Khmer, xã Bình Phú).

Ở khu vực xã Hàm Tân, tại nơi chưa có đê bao ngăn mặn, cư dân canh tác lúa kết hợp với đào ao thả tôm, cá và cả trồng mía, thiệt hại cũng rất nặng nề: “*Nước mặn làm chết cây lúa, cá chết cả đìa, thời gian đó bị lỗ. Sau đợt bị mặn đó bỏ cả ao cá, một thời gian sau mới nuôi lại được một vài lần. Thời gian bị mặn đó cũng đang trồng mía, khô làm thất mùa, bán không được giá, trồng mía cả năm nhưng chỉ lời 1 triệu/công, còn trước kia [lúc thuận lợi, không bị mặn] thì lời được 4-5 triệu/công*” (PVS nữ, sinh năm 1969, dân tộc Kinh, xã Hàm Tân). “*Xâm nhập mặn năm đó không làm lúa được luôn, mùa trước thì được, mùa sau bị lép hết. Lúc đó thì hư thì bỏ chứ không biết làm gì*” (PVS nam, sinh năm 1974, dân tộc Khmer, xã Hàm Tân).

Riêng ở khu vực ấp Rạch Cá, xã Hàm Tân, do nằm ngay gần sông Hậu, độ mặn ngày càng tăng cao cũng gây thiệt hại lớn đối với những hộ chuyên nuôi cá lóc, tôm thẻ, tôm càng xanh: “*Từ năm 2015 đến nay xâm nhập mặn diễn ra thường xuyên, độ mặn tăng cao. Trước năm 2015 độ mặn thấp, cao nhất chỉ 6-7‰, từ sau năm đó độ mặn cao hơn, lại bất thường, trên 10‰. Độ mặn cao thì chỉ thuận lợi cho con tôm, còn cá lóc và hoa màu là rất thiệt hại. Hồi đó mía thì thiệt hại chứt đỉnh, cá chết hàng loạt, dứa thì không có trái. Nhưng độ mặn mà cao quá thì cá chết, tôm khó phát triển*” (PVS nam, sinh năm 1969, dân tộc Kinh, xã Hàm Tân).

Với những hộ canh tác hoa màu, mùa khô thiếu nước tưới cũng khiến cây chết héo, năng suất giảm.

Bên cạnh những thiệt hại trực tiếp từ hạn hán, xâm nhập mặn, tình trạng khô hạn, thiếu nước vào mùa khô còn gây ra những khó khăn khác ảnh hưởng tới kinh tế hộ gia đình. Trước hết là tăng chi phí sử

dụng nhiên liệu và năng lượng. Sự khan hiếm nước ngọt khiến các gia đình phải sử dụng máy bơm để bơm nước từ sông/kênh/rạch lên ruộng, khiến chi phí nhiên liệu chạy máy tăng lên. Như ở xã Bình Phú, tuy nước đã được điều tiết theo hệ thống thủy lợi, nhưng vào mùa khô, để chủ động nguồn nước tưới cho cây, các gia đình thường tự trang bị máy bơm nước chạy bằng xăng hoặc dầu. Ngoài tốn chi phí mua nhiên liệu để chạy máy bơm nước cho đồng ruộng, họ còn tốn chi phí điện chạy mô-tơ máy bơm nước sử dụng trong nhà, bơm nước để tưới cây và chăn nuôi: *“Trong ba vụ thì chi phí vụ hè thu nặng hơn, do chậm có mưa, xuống giống tháng 3 mà trời chưa có mưa nên phải bơm nước bằng máy chạy dầu và xăng. 15 công thì bơm 2 lần/tuần trong suốt cả vụ, chừng 3-4 ngày là ruộng khô rồi, nên phải bơm liên tục. Hai vụ kia thì ít bơm vì mưa đều”* (PVS nam, sinh năm 1959, dân tộc Khmer, xã Bình Phú). Ngoài ra, chi phí vật tư nông nghiệp cũng tăng cao. Mùa khô thiếu nước khiến cây lúa tăng trưởng chậm, làm gia tăng các loại sâu bệnh, kéo theo tăng chi phí mua phân bón, thuốc trừ sâu các loại... Với những hộ canh tác rau màu, chi phí cũng gia tăng do phải liên tục mua các loại hạt giống, thuốc bảo vệ thực vật, lưới che phủ, đường ống dẫn nước...

Ngoài ra, việc khan hiếm nước trong mùa khô cũng dẫn đến nguy cơ cạnh tranh nguồn nước tưới giữa các hộ gia đình có ruộng ở các địa điểm khác nhau. Chẳng hạn, hộ có ruộng nằm ở vị trí đầu kênh hoặc gần kênh thì việc bơm nước tưới thuận tiện hơn và được nhiều hơn. Trong khi với những hộ có ruộng nằm ở cuối kênh hoặc cách xa các nguồn nước, phải chờ phía trên bơm xong họ mới có thể bơm nước vào ruộng của mình, hoặc tốn thêm tiền mua ống để dẫn nước về ruộng:

*“Có ruộng thì gần mương, có ruộng thì xa, từ mấy chục đến vài ba trăm mét. Kênh nhỏ thì không đủ nước như kênh lớn, ví dụ kênh nhỏ họ để chục cái máy thì sao hút nổi, người đầu kênh họ bơm nước được nhiều, người ở dưới, xa thì buộc phải chờ phía trên bơm xong rồi mới bơm được”* (PVS nam, sinh năm 1959, dân tộc Khmer, xã Bình Phú).

Hạn hán, xâm nhập mặn không chỉ làm giảm thu nhập của hộ gia đình mà còn gây ra những khó khăn trong hoạt động sản xuất nông nghiệp trên nhiều phương diện. Điều này càng làm tăng thêm mức độ tổn thương cho các cộng đồng sản xuất nông nghiệp ở địa bàn nghiên cứu, vốn đang phải đối diện với những biến động về mặt thị trường như giá vật tư nông nghiệp tăng nhanh, giá lúa chưa tăng tương xứng.

#### 4. Kết luận

Nghiên cứu trường hợp cho thấy, hạn hán, xâm nhập mặn cực đoan đã và đang diễn ra tại địa bàn nghiên cứu đều được nam giới và phụ nữ tại địa bàn khảo sát ghi nhận, bởi nó gây tác động trực tiếp tới kinh tế của hộ gia đình. Hiện tượng thời tiết này gây thiệt hại ở các mức độ khác nhau, tùy thuộc vào loại hình sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình và địa bàn cư trú.

Trên khía cạnh lý giải về nguyên nhân và diễn biến của hạn hán, xâm nhập mặn, có thể thấy có sự khác biệt giới. Nguyên nhân là do khuôn mẫu giới chung trong phân công lao động gia đình, có ở cả cộng đồng người Kinh và người Khmer. Nam giới phụ trách và là lao động chính trong sản xuất nông nghiệp, là những người quan sát thường xuyên hơn nữ giới về diễn biến của thời tiết. Bởi vậy, họ có những lý giải chi tiết, cặn kẽ hơn nữ giới về sự thay đổi cũng như đưa ra các nhận định về nguyên nhân của sự thay đổi đó.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, thông tin trực tiếp qua phát loa thông báo về hạn hán, xâm nhập mặn của chính quyền địa phương là kênh thông tin mà người dân thường tiếp cận và sử dụng, trong khi đó kênh thông tin qua hình thức họp hội hay từ đài truyền thanh, truyền hình chưa được người dân tiếp cận nhiều. Nguyên nhân một phần cũng do đặc thù công việc của người dân bận rộn, ít có thời gian theo dõi tin tức từ các kênh thông tin đó □

### Tài liệu tham khảo

1. ADB (2015), *Training manual to support country-driven gender and climate change: Policies, strategies and program development*, <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/178959/country-driven-gender-climate-change.pdf>
2. Berkes, F. (2008), *Sacred ecology*, Second Edition, Routledge Taylor & Francis Group, New York and London.
3. Dankelman, I. (2010), *Gender and climate change: An introduction*, 1st Edition, Routledge, Earthscan, London.
4. Goh, A.H.X. (2012), *A literature review of the gender-differentiated impacts of climate change on women's and men's assets and well-being in developing countries*, CAPRI Working Paper No. 106, International Food Policy Research Institute, Washington, D.C, <http://dx.doi.org/10.2499/CAPRIWP16>
5. IPCC (2014), “Annex II: Glossary”, In: IPCC (2014), *Climate change 2014: synthesis report, contribution of working groups I, II and III to the fifth assessment report of the intergovernmental panel on climate change*, Geneva, Switzerland, pp. 117-130.
6. IPCC (2022), *Summary for Policymakers*, [https://www.ipcc.ch/report/ar6/wg2/downloads/report/IPCC\\_AR6\\_WGII\\_SummaryForPolicymakers.pdf](https://www.ipcc.ch/report/ar6/wg2/downloads/report/IPCC_AR6_WGII_SummaryForPolicymakers.pdf)
7. IUCN (2015), *Gender and climate change Strengthening climate action by promoting gender equality*, [https://www.iucn.org/sites/dev/files/import/downloads/gender\\_and\\_climate\\_change\\_issues\\_brief\\_cop21\\_0412201.pdf](https://www.iucn.org/sites/dev/files/import/downloads/gender_and_climate_change_issues_brief_cop21_0412201.pdf)
8. Lobber, J. (2000), “Gender”, in: *Encyclopedia of sociology*, Second Edition, Volume 2, Edgar F. Borgatta (Editor), Pp. 1057-1065.
9. Lindsey (2016), *Gender roles - a sociological perspective*, Sixth Edition, Routledge.
10. MacGregor, S. (2017), “Moving beyond impacts: More answers to the ‘gender and climate change’ question”, in: Susan Buckingham and Virginie Le Masson (2017), *Understanding climate change through gender relations*, Routledge.
11. Masika, R. (2017), *Gender, development and climate change*, Oxfam GB.
12. Segnestam, L. (2017), “Gendered Experiences of adaptation to drought: patterns of change in El Sauce, Nicaragua”, *Latin American Research Review* 52(5), pp. 807-823, DOI: <https://doi.org/10.25222/larr.220>
13. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh (2016), *Báo cáo số 384/BC-SNN-TL Tổng kết công tác chỉ đạo, điều hành, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn ảnh hưởng của El Nino trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*.
14. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh (2020), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn mùa khô năm 2019-2020, phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh*.

(xem tiếp trang 43)